TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2024/HC-ST
Ngày 10/6/2024
"V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính về *"Khiếu kiện hành vi hành chính"* thụ lý số: 01/2024/TLST-HC ngày 18/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-HC ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Bùi Thị L, Snăm 1970 (có mặt)
Ông Trần Văn Đ – Snăm 1968
Đại diện theo uỷ quyền của ông Đ: Bà Bùi Thị L, Snăm 1970
Đều địa chỉ: Thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H. (có mặt)

Người bị kiện: UBND xã H
Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C – Chủ tịch. (có mặt)

Người làm chứng:

1- Ông Nguyễn Trung H – Cán bộ địa chính xã H (Có mặt)
2- Ông Trần Văn C – Snăm 1958 (Vắng mặt)
3- Bà Đinh Thị M – Snăm 1961(Vắng mặt)
4- Bà Trần Thị M – Snăm 1955 (Có mặt)
Đều địa chỉ: Thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H.

5- Bà Trần Thị S– Snăm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 của người khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Ông Trần Văn Đ sống cùng mẹ là cụ Nguyễn Thị Mơ trên thửa đất cha ông để lại. Năm 1987 cụ Mơ chết, ông và bà Bùi Thị L kết hôn năm 1989, vợ chồng

quản lý, sử dụng thửa đất đến nay không có giấy tờ tặng cho, thừa kế giữa bố mẹ ông Đ sang cho ông Đ cũng như giấy tờ giữa ông Huynh và ông Đ. Năm 1991 nhà nước thực hiện chính sách kê khai quản lý sử dụng đất vào bản đồ ông Đ đang quản lý sử dụng đất nên đứng tên kê khai trong các bản đồ 1993, 2003, 2018 không phát Stranh chấp. Quá trình quản lý sử dụng thửa đất, ông bà đến UBND xã H để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Đinh Thị M là vợ của ông Huynh không đồng ý về việc cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất ông bà đang quản lý, sử dụng vì trong đó có một phần đất của ông Huynh được giao. Sau nhiều lần làm việc, hoà giải không thành nên ngày 03/11/2023 ông Bùi Văn C đã thay mặt UBND xã H ký thông báo số 68/TB – UBND kết luận tại buổi trả lời nội dung đề nghị của bà L. Ông Đ và bà L khởi kiện yêu cầu UBND xã H huỷ thông báo số 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 và phải thực hiện hành vi hành chính xem xét, giải quyết hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho cho gia đình bà tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 97,6m^2 đất ao, thửa 26 diện tích 883,3m^2 đất ở; thửa 25 diện tích 105,4m^2 đất ao tại thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H.

Người bị kiện: UBND xã H do ông Bùi Văn C - Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật trình bày: Ông là chủ tịch UBND xã H từ năm 2018. Năm 2020 ông Đ bà L có đề nghị UBND xã H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất đang quản lý sử dụng. Sau khi cán bộ chuyên môn kiểm tra nguồn gốc đất yêu cầu gia đình ông Đ, bà L cung cấp các giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc đất nhưng ông Đ, bà L không cung cấp được. UBND xã nhận được đơn đề nghị của bà Đinh Thị M (vợ ông Trần Văn Huynh – anh trai ông Đ) tranh chấp thửa đất ông Đ, bà L đang quản lý, sử dụng. Căn cứ luật đất đai và Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành một số điều của luật đất đai thì thửa đất của hộ ông Đ đang tranh chấp nên chưa thực hiện được các thủ tục của việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi giải thích nhiều lần nhưng gia đình ông Đ không nhất trí và làm đơn kiến nghị đến UBND thị xã M, tại buổi tiếp công dân có lãnh đạo UBND thị xã và các ban ngành chuyên môn như: phòng tài nguyên và môi trường, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, thanh tra và UBND xã đã trả lời ông Đ bà L về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật nhưng ông Đ, bà L không nhất trí và tiếp tục có đơn đề nghị đến UBND xã. Ngày 03/11/2023 UBND xã H đã ban hành thông báo số 68/TB – UBND kết luận của chủ tịch UBND xã H trả lời nội dung đề nghị của công dân Bùi Thị L về thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Nay ông Đ bà L khởi kiện, UBND xã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Trung H trình bày: Ông là cán bộ địa chính xã H từ năm 2022 đến nay. Ông Đ và bà L có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đang quản lý sử dụng, Căn cứ vào hồ sơ quản lý địa chính, báo cáo nguồn gốc sử dụng đất thì tại bản đồ 299: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 diện tích 605m^2 loại đất thổ cư, chủ sử dụng là Trần Văn Ngụ (bố đẻ ông

Đ), thửa 23, tờ bản đồ 05 diện tích 351m^2 loại đất thổ cư, chủ sử dụng là ông Trần Văn Huynh (anh trai ông Đ). Bản đồ 1993, 2003, 2018 thì các thửa đất ông Đ đang quản lý đều đứng tên chủ sử dụng là Trần Văn Đ mà không có văn bản tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng giữa ông Ngụ, ông Huynh và ông Đ mà do ông Đ là người đang trực tiếp quản lý sử dụng đất tự kê khai. Ngoài bản đồ và sổ mục kê thì UBND xã H không còn lưu giữ văn bản nào khác chứng minh nguồn gốc đất. Ngày 14/4/2023 bà Đinh Thị M (là vợ của ông Trần Văn Huynh) có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai và UBND xã đã lập biên bản làm việc ngày 19/4/2023. Do thửa đất đang có tranh chấp nên UBND xã H đã làm việc và giải thích về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L. Ngày 03/11/2023 UBND xã đã ra thông báo số 68/TB – UBND về kết luận của Chủ tịch UBND xã H tại buổi trả lời của công dân Bùi Thị L về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo qui định của pháp luật.

Người làm chứng bà Đinh Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn Huynh, ông Huynh chết năm 2019. Bà kết hôn với ông Huynh năm 1980 và chung sống cùng gia đình ông Huynh trên thửa đất ông Đ bà L đang quản lý. Năm 1983 thì UBND xã H cấp đất cho vợ chồng bà, do đất vườn của bố mẹ chồng thừa nên khi vợ chồng bà được chia 1,5 sào ruộng thì bị trừ 5 thước vào đất phần trăm ở ngoài đồng. Do đó vợ chồng bà được chia 01 sào đất ở giãn dân nhưng trừ vào đất vườn của bố mẹ ông Huynh. Năm 1984 vợ chồng bà mua đất ra ở riêng còn đất được chia thì vẫn nằm trong đất vườn của bố mẹ ông Huynh, vợ chồng bà nhất trí để cho mẹ và các em trông nom hoa màu. Năm 1983 địa chính xã đo đạc tách riêng diện tích 1 sào đất mà vợ chồng bà được chia là đất vườn thừa của bố mẹ với đất ở của bố mẹ ông Huynh thành 02 thửa riêng biệt. Năm 1993 ông Đ tự kê khai dồn thành 01 thửa đứng tên sử dụng mà vợ chồng bà không biết. Khi ông Đ bà L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất thì bà không nhất trí và làm đơn đề nghị giải quyết tranh chấp vì trong đó có 01 phần đất có nguồn gốc của vợ chồng bà đứng tên ông Trần Văn Huynh trong bản đồ địa chính năm 1983.

Người làm chứng: Ông Trần Văn C ,bà Trần Thị M,bà Trần Thị Slà anh chị của ông Đ trình bày: Cụ Trần Văn Ngụ và Nguyễn Thị Mơ Sđược 05 người con gồm: Bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Huynh, bà Trần Thị Svà ông Trần Văn Đ. Cụ Ngụ chết năm 1980, cụ Mơ chết năm 1988. Ông Huynh chết năm 2019 đều không lập di chúc, không có văn bản tặng cho, chuyển nhượng thửa đất cho ai. Thửa đất mà ông Đ bà L đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của cha ông để lại, ông Đ ở trên đất cùng bố mẹ từ nhỏ đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện huỷ thông báo số 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 và yêu cầu UBND xã H thực hiện hành vi hành chính xem xét, giải quyết hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng. UBND xã H xác định ông Huynh có tên trong bản đồ địa chính 299 là không đúng, bà M không có văn bản nào để chứng minh nguồn gốc đất là của ông Huynh. Bản đồ 299 năm 1980, ông Huynh bà M được chia đất năm 1983 nhưng có tên trong bản đồ 1980 là không đúng.

Đại diện UBND xã H: Ông C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà L vì ông, bà không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, bà M là vợ ông Huynh đang có đơn giải quyết tranh chấp thửa đất mà ông Đ, bà L đang quản lý sử dụng. Ngày 01/11/2023 tại buổi làm việc tiếp ông Đ và bà L, đại diện các cơ quan chuyên môn của phòng tài nguyên và môi trường thị xã M và văn phòng đăng ký đất đai thị xã M đã trả lời ông Đ, bà L về đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà không đủ điều kiện để đưa ra hội đồng đăng ký xét duyệt đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà L vẫn tiếp tục có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà nên UBND xã H ra thông báo số: 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 có nội dung trả lời lại các kết luận tại buổi làm việc của các cơ quan chuyên môn ngày 01/11/2023.

Người làm chứng ông Hoà trình bày: Bản đồ 299 là tên gọi theo chỉ thỉ 299 của thủ tướng chính phủ năm 1980. Tuy nhiên việc lập trích đo bản đồ trong toàn quốc được thực hiện từ năm 1980 – 1986. Do đó việc vợ chồng ông Huynh được cấp đất năm 1983 và có tên trong bản đồ 299 là phù hợp.

Người làm chứng bà M trình bày: Bà là chị gái ông Huynh và ông Đ, bà xác định ông Huynh được UBND xã H chia đất giãn dân nhưng nằm trong phần đất vườn của cụ Ngụ, sau khi được chia đất thì ông Huynh chê đất trật nên không ở và tự mua ra ngoài ở riêng, ông Đ quản lý sử dụng đất của cụ Ngụ từ trước đến nay.

Đại diện VKS thị xã M:

+ *Về tố tụng*: Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản đối thoại và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng hành chính. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung*: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị L.

Người khởi kiện phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện:

Năm 2020 ông Đ, bà L làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 03/11/2021 ông bà nhận được văn bản trả lời số: 60/VB – UBND về việc trả lời nội dung đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Không đồng ý nên bà L tiếp tục có đơn đề nghị, ngày 03/11/2023 ông Đ bà L nhận được thông báo số: 68/TB – UBND kết luận của chủ tịch UBND xã H tại buổi trả lời nội dung đề nghị của công dân Bùi Thị L. Ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị L khởi kiện UBND xã H không thực hiện hành vi hành chính " *Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật*" làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông bà nên ông bà khởi kiện huỷ thông báo số: 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã H và buộc UBND xã H phải thực hiện hành vi hành chính xem xét, giải quyết về việc hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 97,6m^2 đất ao, thửa 26 diện tích 883,3m^2 đất ở; thửa 25 diện tích 105,4m^2 đất ao tại thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H. Căn cứ Điều 30, 31 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính của UBND xã H, thị xã M, tỉnh H.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/11/2023 ông Đ bà L nhận được thông báo số: 68/TB – UBND kết luận của chủ tịch UBND xã H tại buổi trả lời nội dung đề nghị của công dân Bùi Thị L. Ngày 09/01/2024 ông Đ, bà L làm đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân thị xã M. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 - Luật tố tụng hành chính.

Ông Đ bà L khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã H, thị xã M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã M căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Ông Đ, bà L yêu cầu khởi kiện: Huỷ thông báo số: 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã H và buộc UBND xã H phải thực hiện hành vi hành chính xem xét, giải quyết về việc hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ông bà đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, trong đơn khởi kiện người khởi kiện cam đoan không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thấy:

Về nguồn gốc thửa đất được thể hiện tại bản đồ 299 : Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 diện tích 605m^2 loại đất thổ cư, chủ sử dụng là Trần Văn Ngụ (bố đẻ ông Đ), thửa 23, tờ bản đồ 05 diện tích 351m^2 loại đất thổ cư, chủ sử dụng là ông Trần Văn Huynh (anh trai ông Đ). Theo bà M (vợ ông Huynh) thì vợ chồng bà được UBND xã chia 1,5 sào nhưng bị trừ 5 thước vào đất phần trăm ở ngoài đồng. Do

đó đất ở giãn dân được chia 01 sào nhưng trừ đất vườn của cụ Ngụ. Năm 1984 khi mua đất ra ở riêng ông bà nhờ mẹ trông nom đất vườn, năm 1983 địa chính xã đo đạc tách riêng diện tích 1 sào đất vườn với đất ở của cụ Ngụ thành 02 thửa riêng biệt. Ông Đ, bà L không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất như di chúc, văn bản phân chia thừa kế, văn bản tặng cho, chuyển nhượng… từ cụ Ngụ và ông Huynh. Quá trình quản lý sử dụng đất thì ông Đ tự kê khai nên đứng tên chủ sử dụng đất từ năm 1993 đến nay.

Tại phiên toà bà L cho rằng ông Huynh có tên trong bản đồ 299 trên 01 phần đất vợ chồng bà đang quản lý sử dụng là không đúng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác ngày 14/4/2023 bà Đinh Thị M (vợ ông Huynh) có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai đối với ông Trần Văn Đ gửi đến UBND xã H.

Tại phiên toà bà M xác định ông Huynh được giao đất nằm trong đất vườn của cụ Ngụ nhưng ông Huynh chê đất trật và mua ra ngoài ở riêng.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được UBND xã xác nhận về nguồn gốc đất và xác nhận tình trạng tranh chấp sử dụng đất, phù hợp với qui hoạch. Tuy nhiên thửa đất ông Đ, bà L đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của bà M. Tại biên bản làm việc giải quyết đơn đề nghị của công dân ngày 01/11/2023 có thành phần tham gia của các cơ quan chuyên môn gồm ông Nguyễn Đức Lập – Cán bộ phòng tài nguyên và môi trường thị xã M, ông Vũ Đình Thoan – Phó giám đốc văn phòng đăng ký đất đai thị xã M và bà Trịnh Hà Chi – chuyên viên văn phòng đăng ký đất đai thị xã M kết hợp với chính quyền địa phương đã làm việc với ông Đ, bà L và kết luận: Theo bản đồ 299 thửa đất mà ông bà đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đăng ký tên ông Trần Văn Huynh, hiện gia đình ông Huynh có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp với thửa đất bà L làm đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện để UBND xã đưa ra hội đồng đăng ký xét duyệt đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Do không đồng ý nên ông Đ, bà L vẫn tiếp tục có đơn đề nghị gửi đến UBND xã H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 03/11/2023 UBND xã H đã ban hành thông báo số: 68/TB – UBND kết luận ý kiến của các cơ quan chuyên môn ngày 01/11/2023 trong đó có phòng tài nguyên môi trường và văn phòng đăng ký đất đai của thị xã M là đúng theo qui định tại Điều 100 của luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 70 Nghị định 43 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Đ bà L khởi kiện huỷ thông báo số: 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã H và buộc UBND xã H phải thực hiện hành vi hành chính xem xét, giải quyết về việc hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhân nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Điều 31, khoản 2 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 100 của luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 20, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ- CP, ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị L yêu cầu huỷ thông báo số: 68/TB – UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã H và buộc UBND xã H phải xem xét, giải quyết về việc hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông bà.

Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001652, ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Ông Đ, bà L đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã M;
- Phòng KTGĐ, TAND tỉnh H;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Tân Huyền